

Bản án số:100/2020/HS-ST

Ngày 13 - 5- 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tính.
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Việt Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2020/HSST ngày 20 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1798/2020/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Dương Thị Thúy K, sinh ngày 08 tháng 08 năm 1988 tại tỉnh QN; nơi ĐKTT: 57/111F ĐBP, Phường 15, quận TB, Thành phố H; chỗ ở: Phòng trọ không số, nhà số 154/33A ADL, Phường 3, Quận E, Thành phố H; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Minh T và bà Nguyễn Thị B; có cH và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 06/8/2019 “có mặt”.

2. Phạm Thị Tuyết N, sinh ngày 17 tháng 08 năm 1989 tại Thành phố H; nơi ĐKTT: 416 Lô B, chung cư CQ, Phường 1, Quận 5, Thành phố H; chỗ ở: Phòng trọ không số, nhà số 154/33A ADL, Phường 3, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Tuấn K và bà Đinh Thị Bạch G; chưa có cH con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 06/8/2019 “có mặt”.

Người bào chữa: Bà Lê Nguyễn QT, Luật sư Văn phòng Luật sư QT thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H bào chữa chỉ định cho bị cáo Dương Thị Thúy K “có mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Đinh Thị Bạch G, sinh năm 1971, địa chỉ: B416 tầng 4 chung cư CQ, Phường 1, Quận 5, Thành phố H “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 15 giờ 30 phút ngày 06/8/2019, tại trước nhà số 82 TQB, Phường 3, Quận E, Thành phố H, đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Quận E phát hiện bắt quả tang Phạm Thị Tuyết N đang điều khiển xe gắn máy biển số 52Z6-6236 trên đường đi bán ma túy; qua kiểm tra thu giữ trong túi quần phía trước bên phải của N 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, kết quả giám định không tìm thấy chất ma túy; thu trong túi quần phía sau bên phải của N 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 2,5773g, loại Methamphetamine cùng vật chứng là 01 điện thoại di động; 01 xe gắn máy biển số 52Z6-6236 và 400.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam. Tại Cơ quan điều tra, N khai ma túy bị thu giữ do N mua của Dương Thị Thúy K để bán lại.

Mở rộng điều tra, vào lúc 16 giờ 00 phút cùng ngày, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Quận E phối hợp với Công an Phường 3, Quận E kiểm tra hành chính phòng trọ không số, nhà số 154/33A ADL, Phường 3, Quận E, Thành phố H là nơi ở của N và K. Quá trình kiểm tra, Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang Dương Thị Thúy K có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy để bán. Thu giữ trong giỏ nhựa trên đầu tủ dưới tầng trệt 01 hộp da màu xanh, bên trong có 02 gói nylon chứa tinh thể không màu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 2,5575g, loại Methamphetamine; 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 5,4113g, loại Ketamine và 01 gói nylon chứa 30 viên nén hình tròn màu H, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 11,0137g loại MDMA; 01 xe gắn máy biển số 59S2-753.48; 01 điện thoại di động và 8.000.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Sau đó, khám xét khẩn cấp chỗ ở của Dương Thị Thúy K tại phòng trọ không số, nhà số 154/33A ADL, Phường 3, Quận E, Thành phố H. Thu giữ dưới sàn nhà tầng trệt ngay tại cửa ra vào: 01 bóp da màu vàng bên trong có 03 gói nylon chứa tinh thể không màu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 9,8107g loại Methamphetamine; 01 gói nylon chứa 155 viên

nén hình tròn màu H, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 56,3207g loại MDMA.

Tất cả số ma túy thu giữ đã được giám định, kết quả thể hiện tại Bản kết luận giám định số 1567/KLGD-H ngày 14/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự-Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình điều tra, Dương Thị Thúy K và Phạm Thị Tuyết N đã khai nhận hành vi phạm tội.

Dương Thị Thúy K khai bắt đầu thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy từ cuối tháng 6/2019. Nguồn ma túy K mua của 01 đối tượng nữ tên H (không rõ lai lịch) đem về chỗ ở cất giấu, phân nhỏ ra bán lại cho người nghiện kiếm lời. K đã mua ma túy của H 04 lần, cụ thể như sau: Lần đầu vào cuối tháng 6/2019, K mua của H nửa lạng ma túy đá với giá 17.500.000 đồng và bán lại cho 01 đối tượng tên T (không rõ lai lịch) với giá 18.500.000 đồng; Lần thứ 2, vào giữa tháng 7/2019, K mua của H 50 viên thuốc lắc với giá 140.000 đồng/01 viên và bán lại cho T với giá 170.000 đồng/01 viên; Lần thứ 3, vào ngày 03/8/2019, K mua của H khoảng 30g ma túy đá giá 10.000.000 đồng và 200 viên thuốc lắc với giá 140.000 đồng/01 viên đem về chỗ ở cất giấu để bán lại kiếm lời. Lần này, K đã bán được 15 viên thuốc lắc cho 01 đối tượng nghiện ở khu vực Quận 10 với giá 170.000 đồng/01 viên và bán một ít ma túy đá cho các con nghiện với giá 2.000.000 đồng/5g ma túy đá; Lần cuối vào ngày 06/8/2019, K mua của H 01 hộp 5 ma túy Ketamine với giá 3.250.000 đồng để chuẩn bị bán cho 01 người bạn tên Tài (không rõ lai lịch) nhưng chưa kịp bán thì đã bị bắt. Trong số các khách mua ma túy của K có Phạm Thị Tuyết N (bạn ở chung phòng trọ) thường mua ma túy của K để bán lại cho người nghiện. N đã mua ma túy của K 05 lần, mỗi lần 01 gói ma túy đá từ 300.000 đồng đến 1.000.000 đồng. Lần cuối cùng vào chiều ngày 06/8/2019, N có mua của K 2,5g ma túy đá giá 1.000.000 đồng để đem đi bán, nhưng đang trên đường đi thì bị bắt. Sau đó, Cơ quan Công an kiểm tra chỗ ở của K và phát hiện thu giữ toàn bộ số ma túy còn lại K mua của H nhưng chưa kịp bán, còn cất giấu tại chỗ ở. Ngoài ra, trong 2 lần đầu bán ma túy cho đối tượng tên T thì K có nhờ N đem gói đồ có ma túy ra khu vực công viên Phú Lâm để giao cho T, ma túy được K giấu sẵn trong gói đồ rồi đưa N đi giao nên N cũng không biết bên trong có chứa ma túy. Hai lần này, mỗi lần thực hiện xong K cho N 500.000 đồng tiền công. Sau 2 lần này thì K cho N biết mình có mua bán ma túy và N bắt đầu mua ma túy của K để bán lại kiếm lời.

Phạm Thị Tuyết N khai nhận phù hợp với lời khai của K; N với K là bạn bè ngoài xã hội, cuối tháng 6/2019, N chuyển về sống chung cùng với K tại phòng trọ không số, nhà số 154/33A ADL, Phường 3, Quận E. N ở trên gác còn K ở tầng trệt. Quá trình sống chung, K có nhờ N giúp K đi giao đồ cho người khác 02 lần và được K cho mỗi lần 500.000 đồng. Cụ thể, khoảng

đầu tháng 7/2019, K đưa N 01 túi xốp đựng 01 quần Jean kêu N mang ra khu vực công viên Phú Lâm đưa cho 01 người thanh niên (không rõ lai lịch); Lần thứ 2, sau đó khoảng nửa tháng, K có nhờ N đem 01 hộp bánh đến công viên Phú Lâm giao cho người thanh niên trên. Sau lần này, qua nói chuyện N mới được K cho biết 02 gói đồ N đi giao giúp K bên trong có cất giấu ma túy. Sau khi biết K có mua bán ma túy, N nảy sinh ý định mua ma túy của K để bán lại kiếm lời. N đã mua ma túy của K 05 lần để bán lại cho các con nghiện (không rõ lai lịch) ở khu vực Quận E. Mỗi lần N mua của K 01 gói ma túy đá giá 300.000 đồng đến 1.000.000 đồng và bán lại cho người nghiện với giá từ 400.000 đồng đến 1.300.000 đồng. Lần cuối vào ngày 06/8/2019, có 01 đối tượng tên H (không rõ lai lịch) gọi điện hỏi mua của N 1.300.000 đồng ma túy đá thì N đồng ý và hẹn H giao dịch tại khu vực đường TQB, Phường 4, Quận E. Sau đó, tại phòng trọ, N mua của K 01 gói ma túy đá với giá 1.000.000 đồng để đem đi bán cho H. Nhận được ma túy, N bỏ vào túi quần phía sau bên phải của N đang mặc rồi điều khiển xe gắn máy đến điểm hẹn để bán cho H, nhưng đang trên đường đi thì bị phát hiện bắt quả tang như đã nêu trên. N khai việc K mua ma túy của ai và phân chia cất giấu như thế nào thì N không biết và không tham gia. Riêng về gói chất bột không màu thu trong túi quần phía trước bên phải của N, N khai là ma túy giả do 01 người bạn tên T (không rõ lai lịch) cho N vào ngày bị bắt, N chưa dự tính làm gì với gói chất bột này.

Vật chứng thu giữ: Đã được liệt kê tại phiếu nhập kho vật chứng số 437/PNK/2019 ngày 09/10/2019 và Giấy nộp tiền vào tài khoản ngân hàng Vietcombank ngày 30/9/2019 và VietinBank ngày 12/9/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, gồm có:

1. Thu của Dương Thị Thuý K:

- 01 gói ma túy còn lại sau giám định đã được niêm phong, ghi vụ 1567/19 (gói 3,4) có chữ kí của giám định viên Võ Anh Tuấn và cán bộ điều tra Lê Quang Hưng.

- 01 điện thoại di động hiệu SamSung, K khai để liên lạc với gia đình, bạn bè và liên lạc mua bán trái phép chất ma túy.

- 01 cân điện tử và 20 gói nylon rỗng.

- Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam: 8.000.000 đồng và tiền ngoại tệ: 100 Đô la Mỹ. K khai là tiền tiết kiệm để chuẩn bị đóng học phí cho con, không liên quan đến hoạt động mua bán trái phép chất ma túy.

- 01 xe gắn máy hiệu Honda Vision biển số 59S2-753.48, số khung: RLHJF5813GY700507, số máy: JF66E0700545. Kết quả giám định, điều tra được biết chiếc xe này do bà Nguyễn Thị B (là mẹ ruột của K) đứng tên chủ sở hữu. Do K không có xe, bà B có cho K mượn chiếc xe này để làm phương tiện đi lại. Ngày 06/8/2019, K bị bắt và bị thu giữ chiếc xe trên. Việc K hoạt động mua bán trái phép chất ma túy thì bà B hoàn toàn không biết và không

tham gia. Ngày 25/11/2019, Cơ quan CSĐT đã trao trả chiếc xe này cho bà Nguyễn Thị B để bảo quản, quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Thu của Phạm Thị Tuyết N:

- 01 gói ma túy còn lại sau giám định đã được niêm phong, ghi vụ 1567/19 (gói 1,2) có chữ kí của giám định viên Võ Anh Tuấn và cán bộ điều tra Lê Quang Hưng.

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu vàng đồng, N khai để liên lạc với gia đình, bạn bè và liên lạc mua bán trái phép chất ma túy.

- Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam: 400.000 đồng, N khai là tiền tiêu xài cá nhân của N, không liên quan đến hoạt động mua bán trái phép chất ma túy.

- 01 xe gắn máy hiệu Attila biển số: 52Z6-6236, số khung: 029872-D, số máy: 029872-M9BCD. Kết quả giám định, điều tra được biết: Chiếc xe này do bà Trần Thị L đứng tên sở hữu. Ngày 21/6/2018, bà L ủy quyền công chứng bán lại cho ông Nguyễn Văn H. Sau đó, được bà Đinh Thị Bạch G (là mẹ ruột của N) mua làm phương tiện đi lại, do giá trị xe thấp nên thời điểm mua xe bà G không làm hợp đồng mua bán xe và chưa làm thủ tục sang tên. Ngày 06/8/2019, N mượn xe đi mua đồ ăn nhưng sau đó sử dụng xe đi mua bán ma túy thì bị bắt. Kết quả xác minh, hiện tại ông Nguyễn Văn H đi đâu không rõ nên Cơ quan CSĐT không ghi được lời khai làm rõ sự việc bán xe cho bà G. Cơ quan CSĐT đã đăng báo tìm chủ sở hữu xe nhưng đến nay vẫn chưa có ai liên hệ giải quyết.

Tại bản cáo trạng số 30/CT-VKS-P1 ngày 16/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Dương Thị Thúy K về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Phạm Thị Tuyết N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Phản tranh tụng tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm h khoản 3 khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Thị Thúy K từ 15 đến 17 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Phạt bổ sung bị cáo K 10.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước;

Căn cứ điểm b khoản 2 khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Tuyết N từ 07 đến 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Phạt bổ sung bị cáo N 5.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước;

Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo K trình bày: Thống nhất với tội danh và điều luật mà cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Nhưng đề nghị xem xét về tính chất vụ án nhỏ, toàn bộ số ma túy thu giữ chưa bán, và bị cáo chỉ bán ma túy cho bị cáo N; hoàn cảnh gia đình của bị cáo để trả lại số tiền vật chứng thu giữ của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu mà giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo đồng ý với cáo trạng truy tố và phần trình bày bào chữa của luật sư.

- Kiểm sát viên đối đáp: Do luật sư bào chữa cho bị cáo chỉ đề nghị giảm nhẹ hình phạt nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Luật sư và Kiểm sát viên bảo lưu ý kiến của mình đã trình bày trước phiên tòa, không tranh luận bổ sung.

- Lời nói sau cùng của bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Xét lời khai nhận của bị cáo Dương Thị Thúy K, Phạm Thị Tuyết N tại phiên tòa cơ bản phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ, kết luận giám định, bản tự khai của bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Xét hành vi của bị cáo K, N là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình nhưng do cần tiền tiêu xài nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi tàng trữ ma túy để bán cho các đối tượng nghiện cùng ngày 06/8/2019 tại trước nhà số 82 TQB, Phường 3, Quận E, Thành phố H và tại phòng trọ không số, nhà số 154/33A ADL, Phường 3, Quận E, Thành phố H. Cụ thể: Bị cáo K phải chịu trách nhiệm đối với ma túy có khối lượng 2,5773 gam Methamphetamine bị thu giữ khi bắt quả tang bị cáo N và khám xét thu giữ tại nơi ở của bị cáo K tổng cộng 5,4113 gam, loại Ketamine; 12,3682 gam, loại Methamphetamine; 67,3344 gam, loại MDMA; bị cáo N phải chịu trách nhiệm đối với 2,5773g

Methamphetamine bị bắt quả tang và nhiều lần bán ma túy cho các đối tượng nghiện.

Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo K, N đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét ma túy mà bị cáo K tàng trữ trái phép nhằm mục đích bán cho người khác gồm nhiều loại ma túy và có tổng khối lượng 88,6913g là dấu hiệu định khung được quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm); bị cáo N thực hiện hành vi mua bán ma túy 02 lần cho các đối tượng nghiện giúp cho bị cáo K và bị bắt quả tang với khối lượng ma túy là 2,5773g Methamphetamine là dấu hiệu định khung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm).

Xét hành vi của bị cáo N ở 02 lần bán ma túy cho bị cáo K là đồng phạm với vai trò là người thực hành theo sự phân công của bị cáo K là người tổ chức nên mức độ tham gia có phần hạn chế, do đó, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử áp dụng Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho bị cáo N.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo về hình phạt đặt ra phải nghiêm, phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức giáo dục họ ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm; cũng như để trấn áp tình hình tội phạm ma túy đang xảy ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm cho bị cáo một phần về hình phạt do bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử phạt bổ sung bị cáo một số tiền nhất định để nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2] Xét cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố đối với bị cáo Dương Thị Thúy K, Phạm Thị Tuyết N về khung, điều luật và tội danh như đã viện dẫn trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét phần luận tội của Kiểm sát viên là đồng quan điểm với Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Xét ý kiến bào chữa của luật sư: Về các tình tiết giảm nhẹ và số tiền vật chứng là có cơ sở xem xét còn các đề nghị còn lại là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của họ. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của họ đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Xét về xử lý vật chứng, án phí:

- 02 điện thoại thu giữ của các bị cáo có liên quan đến việc mua bán ma túy nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước;

- Số tiền thu giữ của bị cáo K là 8.000.000 đồng và 100 đôla Mỹ; bị cáo N 400.000 đồng không liên quan đến vụ án nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

- 01 xe gắn máy hiệu Attila biển số 52Z6-6236, số khung RLGH125DD-6D029872, số máy VMM9BC-D-029872 thu giữ của bị cáo Phạm Thị Tuyết N, qua xác minh do bà Đinh Thị Bạch G là mẹ của bị cáo N đang quản lý sử dụng, bà G khai mua xe từ ông Nguyễn Văn H (có văn bản ủy quyền từ bà Trần Thị L là người đứng tên chủ sở hữu) nhưng không làm giấy tờ nên chưa làm thủ tục sang tên. Ông H hiện đi đâu không rõ nên chưa ghi được lời khai. Bà G cho bị cáo N mượn xe không biết N dùng vào việc phạm tội. Do đó, cho đăng báo tìm chủ sở hữu có thời hạn hết hạn mà không ai đến nhận thì trả lại xe cho bà G;

- 04 gói niêm phong bên trong là ma túy còn lại sau giám định nên tịch thu và tiêu hủy;

- Số vật chứng còn lại không còn giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm h khoản 3 khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo K);

Căn cứ điểm b khoản 2 khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo N);

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực ngày 01/01/2017.

Xử phạt bị cáo Dương Thị Thúy K 15 (mười lăm) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 06/8/2019.

Phạt bổ sung bị cáo Dương Thị Thúy K 10.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Tuyết N 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 06/8/2019.

Phạt bổ sung bị cáo Phạm Thị Tuyết N 5.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu vàng và 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu H;

Tịch thu và tiêu hủy: 04 gói ma túy còn lại sau giám định đã niêm phong, ghi vụ 1567/19 (gói 3,4) và 1567/19 (gói 1,2) đều có chữ ký của Giám định viên Võ Anh Tuấn và cán bộ điều tra Lê Quang Hưng; 01 cân điện tử và 20 gói nylon rỗng;

Giao Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đăng báo tìm chủ sở hữu đối với 01 xe gắn máy nhãn hiệu SYM, loại xe 02 bánh, số loại Attila, biển số 52Z6-6236, số khung RLGH125DD-6D029872, số máy VMM9BC-D-029872 trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày đăng báo nếu hết thời hạn này mà không ai đến nhận thì trả lại cho bà Đinh Thị Bạch G,

(Theo biên bản giao nhận tang tài vật số 185/20 ngày 10/03/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Tiếp tục tạm giữ của bị cáo K số tiền 8.000.000 đồng và 100 đôla Mỹ; bị cáo N số tiền 400.000 đồng để đảm bảo thi hành án (Theo giấy nộp tiền ngày 12/9/2019 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và 30/9/2019 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam).

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- Trại giam; (2)
- Bị cáo; (2)
- THAHS TP.HCM; (2)
- CA TP. HCM; (1)
- UBND xã nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (6) (22)

Bùi Đức Nam